TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ GIÁO** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HS-ST
Ngày 20/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Quế.

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Kim Niệm;
Bà Lê Thị Thuỳ Vân.

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thu Thảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đình Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Triệu Thế Q** (tên gọi khác L), sinh năm 1986 tại Phú Thọ; nơi cư trú: Tổ 23, khu phố 3, phường DL, thành phố VT, tỉnh PT; tạm trú tại: Ngõ 422, ấp 1, xã TH, thị xã ĐX (nay là thành phố ĐX), tỉnh BP; nghề nghiệp: Cho vay; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn M và bà Bùi Thị Minh L. Bị cáo có 01 người anh sinh năm 1983; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/10/2018 cho đến nay.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Bà Quách Thị Mai A, sinh năm 1976;
Nơi cư trú: Khu phố 7, thị trấn PV, huyện PG, tỉnh BD. Vắng mặt.
2. Bà Võ Thị N, sinh năm 1970;
Nơi cư trú: Tổ 3, ấp 4, xã TH, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt.
3. Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1970;
Nơi cư trú: Ấp 4, xã TH, huyện PG, tỉnh BD; Có đơn xin vắng mặt.
4. Bà Thạch Thị Ng, sinh năm 1963;
Nơi cư trú: Tổ 1, ấp 4, xã TH, huyện PG, tỉnh BD; Có đơn xin vắng mặt.
5. Bà Lê Thị B, sinh năm 1951;

Nơi cư trú: Tổ 2, ấp 4, xã TH, huyện PG, tỉnh BD; Có đơn xin vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965;

Nơi cư trú: Tổ 2, ấp 4, xã TH, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt

7. Bà Phan Thị B, sinh năm 1959;

Nơi cư trú: Ấp KN, xã PH, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt.

8. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1972;

Nơi cư trú: Tổ 2, ấp VT, xã VH, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt.

9. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1970;

Nơi cư trú: Tổ 1, ấp BR, xã VH, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt.

10. Bà Đỗ Thị Chẳng, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Tổ 3, khu phố 9, thị trấn PV, huyện PG, tỉnh BD; Có đơn xin vắng mặt.

11. Bà Quách Thị Mai Tr, sinh năm 1978;

Nơi cư trú: Tổ 2, khu phố 9, thị trấn PV, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt.

12. Bà Lưu Thị Mỹ D, sinh năm 1965;

Nơi cư trú: Khu phố 5, thị trấn PV, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt.

13. Bà Nguyễn Thị Thanh, sinh năm 1964;

Nơi cư trú: Ấp Th, xã AB, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt.

14. Bà Lê Ngọc D, sinh năm 1964;

Nơi cư trú: Khu phố 5, thị trấn PV, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt.

15. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1964;

Nơi cư trú: Tổ 1, khu phố 1, thị trấn PV, huyện PG, tỉnh BD; Có đơn xin vắng mặt.

16. Bà Nguyễn Thị Thuỳ L, sinh năm 1978;

Nơi cư trú: Tổ 2, khu phố 5, thị trấn PV, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt.

17. Bà Trần Thị H, sinh năm 1969;

Nơi cư trú: Tổ 5, khu phố 3, thị trấn PV, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt.

18. Bà Danh Thị Thu, sinh năm 1963;

Nơi cư trú: Tổ 3, khu phố 1, thị trấn Phước Vĩnh, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; Có đơn xin vắng mặt.

19. Bà Nguyễn Thị Kiên, sinh năm 1963;

Nơi cư trú: Tổ 5, khu phố 3, thị trấn Phước Vĩnh, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt.

20. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1962;

Nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn PV, huyện PG, tỉnh BD; Có đơn xin vắng mặt.

21. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1968;

Nơi cư trú: Ấp 4, xã TH, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt.

22. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1968;

Nơi cư trú: Tổ 5, ấp 2, xã TH, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt.

23. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1993;

Nơi cư trú: Tổ 1, ấp ĐT, xã PS, huyện PG, tỉnh BD; Có đơn xin vắng mặt.

24. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1961;

Nơi cư trú: Tổ 6, ấp SD, xã PS, huyện PG, tỉnh BD; Có đơn xin vắng mặt.

25. Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1997;

Nơi cư trú: Ấp SD, xã PS, huyện PG, tỉnh BD; Có đơn xin vắng mặt.

26. Ông Phạm Văn T, sinh năm 2000;

Nơi cư trú: Ấp SD, xã PS, huyện PG, tỉnh BD; Có đơn xin vắng mặt.

27. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1960;

Nơi cư trú: Ấp Sa Dụp, xã Phước Sang, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; Có đơn xin vắng mặt.

28. Bà Phạm Thị Lụa, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Ấp SD, xã PS, huyện PG, tỉnh BD; Có đơn xin vắng mặt.

29. Bà Lê Tâm Th

Nơi cư trú: Ấp SD, xã PS, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt.

30. Bà Trương Hoài T, sinh năm 1968;

Nơi cư trú: Tổ 5, ấp 3, xã TH, huyện PG, tỉnh BD; Có đơn xin vắng mặt.

31. Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Tổ 1, ấp ĐT, xã TL, huyện PG, tỉnh BD; Có đơn xin vắng mặt.

32. Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1973;

Nơi cư trú: Tổ 4, ấp TS, xã VH, huyện PG, tỉnh BD; Có đơn xin vắng mặt.

33. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1973;

Nơi cư trú: Tổ 4, ấp VT, xã VH, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt.

34. Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1974;

Nơi cư trú: Ấp 6, xã AL, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt.

35. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960;

Nơi cư trú: Ấp 3, xã TH, huyện PG, tỉnh BD; Có đơn xin vắng mặt.

36. Bà Trương Hoài Y, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: Ấp 3, xã TH, huyện PG, tỉnh BD; Có đơn xin vắng mặt.

37. Bà Tô Thị Bích Ch, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: Ấp 3, xã TH, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt.

38. Bà Phạm Thị Thuý K, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: Ấp 3, xã TH, huyện PG, tỉnh BD; Có đơn xin vắng mặt.

39. Phan Thanh G, sinh năm 1972;

Nơi cư trú: Khu phố 5, thị trấn PV, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt.

40. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Ấp VT, xã VH, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt.

41. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: Tổ 3, khu phố 1, thị trấn PV, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt.

42. Bà Lê Thị Á, sinh năm 1963;

Nơi cư trú: Ấp TS, xã VH, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt.

43. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968;

Nơi cư trú: Ấp 4, xã TH, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt.

44. Bà Trần Thị Th, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Ấp 1A, xã PH, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt.

45. Bà Đặng Ngọc Cẩm H, sinh năm 1972;
Nơi cư trú: Tổ 1, khu phố 5, thị trấn PV, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt.
46. Bà Trần Thị Cẩm L, sinh năm 1973;
Nơi cư trú: Ấp TS, xã VH, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt.
47. Bà Lê Thị L, sinh năm 1971;
Nơi cư trú: Tổ 4, ấp TS, xã VH, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt.
48. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1975;
Nơi cư trú: Tổ 2, ấp TS, xã VH, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt.
49. Bà Danh Thị T, sinh năm 1995;
Nơi cư trú: Tổ 3, khu phố 1, thị trấn PV, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt.
50. Bà Lâm Thị Ngọc H, sinh năm 1975;
Nơi cư trú: Ấp TS, xã VH, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt.
51. Bà Danh Thị Nh, sinh năm 1989;
Nơi cư trú: Tổ 1, khu phố 1, thị trấn PV, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt.
52. Bà Huỳnh Thị Ng, sinh năm 1970;
Nơi cư trú: Ấp TS, xã VH, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt.
53. Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1961;
Nơi cư trú: Ấp 1A, xã PH, huyện PG, tỉnh BD; Có đơn xin vắng mặt.
54. Bà Lê Kim V, sinh năm 1969;
Nơi cư trú: Ấp 1A, xã PH, huyện PG, tỉnh BD; Có đơn xin vắng mặt.
55. Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1983;
Nơi cư trú: Ấp 1A, xã PH, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt.
56. Bà Châu Thị Kim L, sinh năm 1972;
Nơi cư trú: Ấp 1A, xã PH, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt.
57. Bà Trần Thị Ngọc Th, sinh năm 1988;
Nơi cư trú: Ấp VT, xã VH, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt.
58. Ông Phạm Gia H, sinh năm 1992;
Nơi cư trú: Ấp BR, xã VH, huyện PG, tỉnh BD; Có đơn xin vắng mặt.
59. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964;
Nơi cư trú: Ấp TS, xã VH, huyện PG, tỉnh BD; Vắng mặt.
60. Bà Trần Khánh L, sinh năm 1988;
Nơi cư trú: Số 572 đường BNT, phường TBH, thành phố TDM, tỉnh BD; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 4 năm 2018, Triệu Thế Q mang theo số tiền 40.000.000 đồng đến huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương để cho người dân vay tiền với lãi suất cao. Q in nhiều tờ rơi nội dung "Cho vay tiêu dùng, không phí dịch vụ, chỉ cần chứng minh, hộ khẩu + hóa đơn điện, LH: 0899.799.957" và dán tờ rơi tại khu vực đông dân cư để người dân dễ liên hệ. Người vay phải đưa Q về để biết nhà, đồng thời photô chứng minh nhân dân, hộ khẩu thường trú, cung cấp số điện thoại của

mình cho Q, nếu muốn vay số tiền nhiều, người vay phải thế chấp bản chính chứng minh nhân dân, hộ khẩu thường trú.

Triệu Thế Q cho người dân vay tiền theo các gói vay 25 ngày thành 30%/tháng tương đương 360%/năm cao gấp 18 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự; 26 ngày thành 84,6%/tháng tương đương 1.015%/năm cao gấp 50,76 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự; 30 ngày tương đương 20%/tháng tương đương 240%/năm cao gấp 12 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự; 31 ngày tương đương 23%/tháng tương đương 276%/năm cao gấp 13,8 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự; 32 ngày tương đương 26%/tháng tương đương 312%/năm cao gấp 15,6 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Cụ thể: Nếu vay 25 ngày số tiền 10.000.000 đồng, người vay phải trả mỗi ngày 500.000 đồng trong đó gốc 400.000 đồng, lãi 100.000 đồng, Q không thu tiền phí dịch vụ, tổng số tiền phải trả là 12.500.000 đồng, trong đó gốc là 10.000.000 đồng, lãi là 2.500.000 đồng; nếu vay 30 ngày số tiền 10.000.000 đồng, người vay phải trả mỗi ngày 400.000 trong đó gốc 334.000 đồng, lãi 66.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng, trong đó gốc 10.000.000 đồng, lãi 2.000.000 đồng; nếu vay 31 ngày số tiền 10.000.000 đồng, người vay phải trả mỗi ngày 400.000 trong đó gốc 323.000 đồng, lãi 77.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 12.400.000 đồng, trong đó tiền gốc là 10.000.000 đồng, lãi 2.400.000 đồng; nếu vay 32 ngày số tiền 10.000.000 đồng, người vay phải trả mỗi ngày 400.000 đồng trong đó gốc 312.500 đồng, lãi 87.500 đồng, tổng số tiền phải trả là 12.800.000 đồng, trong đó tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi 2.800.000 đồng.

Từ đầu tháng 4 năm 2018 đến ngày 18/10/2018, Triệu Thế Q cho người dân trên địa bàn huyện Phú Giáo vay tổng số tiền là 1.603.000.000 đồng. Trong đó, Q đã thu được số tiền 1.431.899.500 đồng tiền gốc, thu lợi bất chính tổng số tiền 363.189.000 đồng tiền lãi. Còn lại tổng số tiền gốc 171.100.500 đồng Q chưa thu được. Cụ thể, Q cho những người sau vay:

01. Quách Thị Mai A vay 04 lần mỗi lần 5.000.000 đồng, thời hạn vay 31 ngày, tổng số tiền là 20.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 4 năm 2018 đến ngày 18/8/2018, đã trả tiền gốc là 18.225.000 đồng, nợ gốc là 1.775.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 4.375.000 đồng.

02. Võ Thị Ng vay 06 lần mỗi lần 5.000.000 đồng và vay 03 lần mỗi lần 7.500.000 đồng, thời hạn vay 31 ngày trong thời gian từ ngày 15/4/2018 đến ngày 12/8/2018, tổng số tiền vay là 52.500.000 đồng, đã trả tiền gốc là 52.500.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 12.600.000 đồng.

03. Nguyễn Thị Minh H vay 05 lần mỗi lần 5.000.000 đồng và vay 04 lần mỗi lần 10.000.000 đồng, thời hạn vay 31 ngày trong thời gian từ tháng 4 năm 2018 tháng 10 năm 2018, tổng số tiền vay là 65.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 57.420.000 đồng, nợ gốc là 7.580.000 đồng. Q thu lợi số tiền 13.766.000 đồng.

04. Thạch Thị Ng vay 10 lần mỗi lần 5.000.000 đồng, thời hạn vay 32 ngày trong thời gian từ ngày 13/5/2018 đến ngày 02/10/2018, tổng số tiền là 50.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 45.788.000 đồng, nợ gốc là 4.212.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 12.815.000 đồng.

05. Lê Thị B vay 05 lần mỗi lần 5.000.000 đồng và vay 04 lần mỗi lần 7.500.000 đồng, thời hạn vay 31 ngày trog thời gian từ ngày 18/4/2018 đến ngày 26/6/2018, tổng số tiền là 55.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 53.548.000 đồng, nợ gốc là 1.452.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 12.850.000 đồng.

06. Nguyễn Thị H vay 05 lần mỗi lần 2.500.000 đồng và vay 05 lần mỗi lần 5.000.000 đồng, thời hạn vay 31 ngày, trong thời gian từ ngày 17/4/2018 đến ngày 03/7/2018, tổng số tiền vay là 37.500.000 đồng, đã trả tiền gốc là 37.500.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 9.000.000 đồng.

07. Phan Thị B vay 10.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày trong tháng 8 năm 2018, đã trả tiền gốc là 10.000.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 2.000.000 đồng.

08. Nguyễn Thị S vay 05 lần mỗi lần 5.000.000 đồng, vay 01 lần số tiền 2.500.000 đồng và vay 01 lần số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 31 ngày trong thời gian từ ngày 27/5/2018 đến ngày 17/7/2018, tổng số tiền vay là 37.500.000 đồng, đã trả tiền gốc là 31.371.000 đồng, nợ gốc là 6.129.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 7.458.000 đồng.

09. Nguyễn Thị G vay 03 lần mỗi lần 5.000.000 đồng, thời hạn vay 31 ngày trong thời gian từ ngày 24/4/2018 đến ngày 07/6/2018, tổng số tiền vay là 15.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 15.000.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi là 3.600.000 đồng.

10. Đỗ Thị Ch vay 06 lần mỗi lần 10.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày trong thời gian từ ngày 25/4/2018 đến ngày 09/6/2018, tổng số tiền vay là 60.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 56.000.000 đồng, nợ gốc 4.000.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 14.000.000 đồng.

11. Quách Thị Mai Tr vay 02 lần mỗi lần 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày trong thời gian khoảng tháng 4 năm 2018, tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 10.000.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 2.000.000 đồng.

12. Lưu Thị Mỹ D vay 05 lần mỗi lần 5.000.000 đồng, thời hạn vay 32 ngày trong thời gian từ ngày 02/5/2018 đến ngày 18/10/2018, tổng số tiền vay là 25.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 22.344.000 đồng, nợ gốc là 2.656.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 6.256.000 đồng.

13. Nguyễn Thị Th vay 5 lần mỗi lần 5.000.000 đồng, thời hạn vay 32 ngày, trong thời gian từ 17/4/2018 đến ngày 08/6/2018, tổng số tiền vay 25.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 20.312.500 đồng, nợ gốc là 4.687.500 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 5.687.500 đồng.

14. Lê Ngọc D vay 02 lần mỗi lần 5.000.000 đồng, thời hạn vay 31 ngày, vào ngày 18/4/2018 và ngày 21/4/2018, tổng số tiền vay 10.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 3.548.000 đồng, nợ gốc 6.452.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 851.000 đồng.

15. Nguyễn Thị Ph vay 04 lần mỗi lần 5.000.000 đồng, thời hạn vay 32 ngày, trong thời gian từ ngày 26/4/2018 đến ngày 21/9/2018, tổng số tiền vay 20.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 19.219.000 đồng, nợ gốc là 781.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 5.381.000 đồng.

16. Nguyễn Thị Thùy L vay 02 lần mỗi lần 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, trong thời gian ngày 13/4/2018 và ngày 03/5/2018, tổng số tiền vay 10.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 9.000.000 đồng, nợ gốc 1.000.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 1.800.000 đồng.

17. Trần Thị H vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 32 ngày, trong tháng 8 năm 2018, đã trả tiền gốc là 8.680.000 đồng, nợ gốc 1.320.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 2.362.000 đồng.

18. Danh Thị Th vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 32 ngày vào tháng 9 năm 2018, đã trả tiền gốc là 3.125.000 đồng, nợ gốc là 1.875.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 875.000 đồng.

19. Nguyễn Thị K vay 10 lần mỗi lần 5.000.000 đồng, thời hạn vay 32 ngày, trong thời gian từ ngày 28/4/2018 đến ngày 23/6/2018, tổng số tiền vay là 50.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 43.750.000 đồng, nợ gốc là 6.250.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 12.250.000 đồng.

20. Nguyễn Thị B vay 02 lần, lần 1 vay 2.500.000 đồng, lần 2 vay 5.000.000 đồng, thời hạn vay 32 ngày vào ngày 19/4/2018 và ngày 24/4/2018, tổng số tiền vay là 7.500.000 đồng, đã trả tiền gốc 02 lần vay là 7.266.000 đồng, nợ gốc là 234.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 634.000 đồng.

21. Nguyễn Thị G vay 04 lần mỗi lần 2.500.000 đồng và 02 lần mỗi lần 5.000.000 đồng, thời hạn vay 31 ngày, trong thời gian từ ngày 20/4/2018 đến ngày 06/6/2018, tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 20.000.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 4.800.000 đồng.

22. Nguyễn Thị Kim H vay 02 lần mỗi lần 7.500.000 đồng, thời hạn vay 32 ngày, trong thời gian từ ngày 21/9/2018 đến ngày 13/10/2018, tổng số tiền vay là 15.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 9.140.000 đồng, nợ gốc là 5.860.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 2.560.000 đồng.

23. Phạm Thị T vay 05 lần mỗi lần 10.000.000 đồng, vay 05 lần mỗi lần 5.000.000 đồng, thời hạn vay 32 ngày trong thời gian từ ngày 01/8/2018 đến ngày 15/10/2018, tổng số tiền vay 75.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 65.312.500 đồng, nợ gốc là 9.687.500 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 18.287.500 đồng.

Ngoài ra, bà T còn mượn chứng minh nhân dân của nhiều người để vay tiền của Q cụ thể như sau:

Bà T mượn chứng minh nhân dân của Nguyễn Thị Đ vay tổng số tiền của Q là 67.500.000 đồng, thời hạn vay 32 ngày trong thời gian từ ngày ngày 02/8/2018 đến ngày 13/9/2018, đã trả tiền gốc là 59.375.000 đồng, nợ gốc là 8.125.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 16.625.000 đồng.

Bà T mượn chứng minh nhân dân của Phạm Thị Th vay tổng số tiền của Q là 22.500.000 đồng, thời hạn vay 32 ngày trong thời gian từ ngày ngày 29/8/2018 đến ngày 03/10/2018, đã trả tiền gốc là 22.500.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 6.300.000 đồng.

Bà T mượn chứng minh nhân dân của Phạm Văn T vay tổng số tiền của Q là 32.500.000 đồng, thời hạn vay 32 ngày trong thời gian từ ngày ngày 07/8/2018 đến ngày 11/10/2018, đã trả tiền gốc là 26.406.000 đồng, nợ gốc là 6.094.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 7.394.000 đồng.

Bà T mượn chứng minh nhân dân của Nguyễn Thị X vay tổng số tiền của Q là 25.000.000 đồng, thời hạn vay 32 ngày trong thời gian từ ngày ngày 07/8/2018 đến ngày 08/10/2018, đã trả tiền gốc là 19.844.000 đồng, nợ gốc là 5.156.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 5.556.000 đồng.

Bà T mượn chứng minh nhân dân của Phạm Thị L vay tổng số tiền của Q là 40.000.000 đồng, thời hạn vay 32 ngày trong thời gian từ ngày ngày 08/8/2018 đến ngày 04/10/2018, đã trả tiền gốc là 35.625.000 đồng, nợ gốc là 4.375.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 9.975.000 đồng.

Bà T mượn chứng minh nhân dân của Lê Tâm Th vay tổng số tiền của Q là 25.000.000 đồng, thời hạn vay 32 ngày trong thời gian từ ngày ngày 07/8/2018 đến ngày 14/10/2018, đã trả tiền gốc là 20.625.000 đồng, nợ gốc là 4.375.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 5.775.000 đồng.

Như vậy, bà Phạm Thị T tự vay và mượn chứng minh nhân dân của Nguyễn Thị Đ, Phạm Thị Th, Phạm Thị T, Nguyễn Thị X, Phạm Thị L, Lê Tâm Th vay của Q tổng số tiền 287.500.000 đồng, đã trả tiền gốc là 249.687.500 đồng, nợ gốc là 37.812.500 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 69.912.500 đồng.

24. Trương Hoài T vay 06 lần mỗi lần 5.000.000 đồng, 06 lần mỗi lần 7.500.000 đồng, 02 lần mỗi lần 2.500.000 đồng, thời hạn vay 31 ngày, trong thời gian từ ngày 14/4/2018 đến ngày 13/10/2018, tổng số tiền vay 80.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 72.903.000 đồng, nợ gốc là 7.097.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 16.897.000 đồng.

25. Phạm Thị Th vay 06 lần mỗi lần 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày trong thời gian từ ngày 14/4/2018 đến ngày 27/9/2018, tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 28.667.000 đồng, nợ gốc là 1.333.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 5.733.000 đồng.

26. Lê Thị Kim L vay 03 lần mỗi lần 7.500.000 đồng, thời hạn vay 31 ngày trong thời gian từ ngày 07/4/2018 đến ngày 13/5/2018, tổng số tiền vay 22.500.000 đồng, đã trả tiền gốc là 20.323.000 đồng, nợ gốc 2.177.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 4.872.000 đồng.

27. Nguyễn Thị Th vay 07 lần mỗi lần 5.000.000 đồng, thời hạn vay 31 ngày, trong thời gian từ ngày 18/4/2018 đến ngày 07/7/2018, tổng số tiền vay 35.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 32.258.000 đồng, nợ gốc 2.742.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 7.742.000 đồng.

28. Nguyễn Thị Ngọc M vay 08 lần mỗi lần 5.000.000 đồng, vay 05 lần mỗi lần 2.500.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày trong thời gian từ ngày 13/4/2018 đến ngày 26/9/2018, tổng số tiền vay là 52.500.000 đồng, đã trả tiền gốc là 51.000.000 đồng, nợ gốc là 1.500.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 10.200.000 đồng.

29. Nguyễn Thị L vay 02 lần mỗi lần 5.000.000 đồng, vay 01 lần số tiền 2.500.000 đồng, vay 04 lần mỗi lần 7.500.000 đồng, vay 03 lần mỗi lần 10.000.000 đồng, thời hạn vay 32 ngày trong thời gian từ ngày 25/5/2018 đến ngày 09/10/2018, tổng số tiền vay là 72.500.000 đồng, đã trả tiền gốc là 67.187.500 đồng, nợ gốc 5.312.500 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 18.812.500 đồng.

30. Trương Hoài Y vay 08 lần mỗi lần 5.000.000 đồng, vay 06 lần mỗi lần 2.500.000 đồng, thời hạn vay 31 ngày trong thời gian từ ngày 13/4/2018 đến ngày 06/10/2018, tổng số tiền vay 55.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 50.968.000 đồng, nợ gốc là 4.032.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 12.232.000 đồng.

31. Tô Thị B ích Ch vay 07 lần mỗi lần 5.000.000 đồng, thời hạn vay 32 ngày, trong thời gian từ ngày 21/5/2018 đến ngày 19/9/2018, tổng số tiền vay 35.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 34.531.000 đồng, nợ gốc 469.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 9.669.000 đồng.

32. Phạm Thị Thúy K vay 03 lần mỗi lần 7.500.000 đồng, thời hạn vay 32 ngày, trong thời gian từ ngày 28/8/2018 đến ngày 19/9/2018, tổng số tiền vay 22.500.000 đồng, đã trả tiền gốc là 15.000.000 đồng, nợ gốc 7.500.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 4.200.000 đồng.

33. Phan Thanh G vay số tiền 2.500.000 đồng vào ngày 14/4/2018, thời hạn vay 31 ngày, đã trả tiền gốc là 1.210.000 đồng, nợ gốc là 1.290.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 290.000 đồng.

34. Nguyễn Thị H vay 02 lần mỗi lần 5.000.000 đồng, thời hạn vay khoảng tháng 9 năm 2018 đến tháng 10 năm 2018, tổng số tiền vay 10.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 7.656.000 đồng, nợ gốc 2.344.000 đồng. Q thu lợi số tiền vay 2.144.000 đồng.

35. Nguyễn Thị Kim L vay số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 13/4/2018, thời hạn vay 32 ngày, đã trả tiền gốc là 5.000.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 1.400.000 đồng.

36. Lê Thị Á vay 04 lần mỗi lần 5.000.000 đồng, thời hạn vay 31 ngày, trong thời gian tháng 9 năm 2018 đến tháng 10 năm 2018, tổng số tiền vay 20.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 17.903.000 đồng, nợ gốc là 2.097.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 4.297.000 đồng.

37. Nguyễn Thị L vay 3.000.000 đồng vào ngày 18/4/2018, thời hạn vay 26 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng thành số tiền phải trả là 5.200.000 đồng. Bà Lài đã trả tiền gốc 3.000.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 2.200.000 đồng.

38. Trần Thị Th vay 03 lần mỗi lần 5.000.000 đồng, thời hạn vay 31 ngày, trong thời gian từ ngày 26/4/2018 đến ngày 17/6/2018, tổng số tiền vay 15.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 15.000.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 3.600.000 đồng.

39. Đặng Ngọc Cẩm H vay 05 lần mỗi lần 5.000.000 đồng và vay 01 lần số tiền 2.500.000 đồng, trong thời gian từ ngày 22/4/2018 đến ngày 13/7/2018, tổng số tiền vay 27.500.000 đồng, đã trả tiền gốc là 26.694.000 đồng, nợ gốc là 806.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 6.406.000 đồng.

40. Trần Thị Cẩm L vay 03 lần mỗi lần 7.500.000 đồng, thời hạn vay 31 ngày trong thời gian từ ngày 27/4/2018 đến ngày 03/6/2018, tổng số tiền vay 22.500.000 đồng, đã trả tiền gốc là 21.290.000 đồng, nợ gốc là 1.210.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 5.110.000 đồng.

41. Lê Thị L vay 04 lần mỗi lần 5.000.000 đồng, thời hạn vay 32 ngày, trong thời gian từ ngày 25/4/2018 đến ngày 16/6/2018, tổng số tiền vay 20.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 18.906.000 đồng, nợ gốc 1.094.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 5.294.000 đồng.

42. Phạm Thị D vay 02 lần mỗi lần 5.000.000 đồng, vay 01 lần số tiền 2.500.000 đồng và vay 01 lần số tiền 10.000.000 đồng, trong thời gian từ ngày 27/4/2018 đến ngày 09/10/2018, tổng số tiền vay 22.500.000 đồng, đã trả tiền gốc là 18.125.000 đồng, nợ gốc là 4.375.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 5.075.000 đồng.

43. Danh Thị T vay 02 lần mỗi lần 5.000.000 đồng, thời hạn vay 31 ngày, vào ngày 21/4/2018 và 09/5/2018, tổng số tiền vay 10.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 10.000.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 2.400.000 đồng.

44. Lâm Thị Ngọc H vay số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 11/5/2018, thời hạn vay 32 ngày, đã trả tiền gốc là 5.000.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 1.400.000 đồng.

45. Danh Thị Nh vay số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 23/4/2018, thời hạn vay 30 ngày, đã trả tiền gốc là 5.000.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 1.000.000 đồng.

46. Huỳnh Thị Ng vay 05 lần mỗi lần 5.000.000 đồng, thời hạn vay 32 ngày, trong thời gian từ ngày 16/4/2018 đến ngày 24/6/2018, tổng số tiền vay 25.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 25.000.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 7.000.000 đồng.

47. Nguyễn Thị Ph vay 5.000.000 đồng vào ngày 30/9/2018, thời hạn vay 32 ngày, đã trả tiền gốc là 4.062.000 đồng, nợ gốc là 938.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 1.137.500 đồng.

48. Lê Kim V vay 7.500.000 đồng vào ngày 03/9/2018 và vay 10.000.000 đồng vào ngày 18/9/2018, thời hạn vay 30 ngày, tổng số tiền vay 17.500.000 đồng, đã trả tiền gốc là 10.167.000 đồng, nợ gốc là 7.333.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 2.033.000 đồng.

49. Nguyễn Hoàng L vay 10.000.000 đồng vào ngày 20/8/2018 và vay 7.500.000 đồng vào ngày 04/9/2018, thời hạn vay 32 ngày, tổng số tiền vay 17.500.000 đồng, đã trả tiền gốc là 17.500.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 4.900.000 đồng.

50. Châu Thị Kim L vay số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 28/9/2018, thời hạn vay 32 ngày, đã trả tiền gốc là 3.750.000 đồng, nợ gốc là 1.250.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 1.050.000 đồng.

51. Trần Thị Ngọc Th vay 04 lần mỗi lần 10.000.000 đồng, thời hạn vay 32 ngày trong thời gian từ ngày 15/5/2018 đến ngày 15/10/2018, tổng số tiền vay 40.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 31.250.000 đồng, nợ gốc là 8.750.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 8.750.000 đồng.

52. Phạm Gia H vay số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 15/10/2018, thời hạn vay 32 ngày, đã trả tiền gốc là 625.000 đồng, nợ gốc là 4.375.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 175.000 đồng.

53. Nguyễn Thị H vay số tiền 7.500.000 đồng vào ngày 22/8/2018 và vay số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 09/9/2018, thời hạn vay 30 ngày, tổng số tiền vay là 17.500.000 đồng, đã trả tiền gốc là 8.500.000 đồng, nợ gốc 9.000.000 đồng. Q thu lợi số tiền lãi 1.699.000 đồng.

Cáo trạng số 04/CT-VKSPG ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Triệu Thế Q về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Triệu Thế Quang từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù.

Về tiền lãi bị cáo thu lợi bất chính: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo đề nghị tính lại số tiền lãi đã thu được cho bị cáo, khấu trừ số tiền 27.404.978 đồng là số tiền lãi hợp pháp trong giới hạn của Điều 468 Bộ luật Dân sự và buộc bị cáo nộp lại số tiền lãi là 363.189.000 đồng – 27.404.978 đồng = 335.784.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền gốc Triệu Thế Q cho vay đã thu được là 1.431.899.500 đồng và số tiền lãi đã thu được là 335.784.000 đồng. Xét thấy đây là tiền Triệu Thế Q sử dụng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có nên cần buộc Triệu Thế Q giao nộp để sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 10.204.000 đồng thu giữ của bị cáo khấu trừ vào số tiền lãi bị cáo đã thu lợi; 01 điện thoại di động Samsung bể màn hình imei: 353123070113892, 01 điện thoại di động Iphone 5 màu trắng đã qua sử dụng, imei: 013625000883107, 01 điện thoại di động Nokia màu trắng đã qua sử dụng, imei: 358573082549811 là phương tiện và tiền Triệu Thế Q sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 11 giấy chứng minh nhân dân mang tên Thượng Minh Tr, Phạm Quang S, Danh Thị Th, Nguyễn Thị Thùy V, Lê Thị L, Lê Huy H, Nguyễn Thị Bạch H, Bùi Kim T, Nguyễn Thị Thùy D, Lê Thị Á, Nguyễn Văn S là giấy tờ cá nhân không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho chủ sở hữu.

- Đối với 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Ngọc H là giấy tờ cá nhân của Trần Ngọc H không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho H.

- Đối với 02 sổ hộ khẩu thường trú mang tên chủ hộ Lê Ngọc D, Lê Anh T không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bà D, ông T.

- Đối với số tiền 171.100.500 đồng là tiền gốc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả cho Q nhưng là tiền Q dùng vào việc phạm tội nên cần buộc Quách Thị Mai A nộp lại số tiền 1.775.000 đồng, Nguyễn Thị Minh H nộp lại số tiền 7.580.000 đồng, Thạch Thị Ng nộp lại số tiền 4.212.000 đồng, Lê Thị B nộp lại số tiền 1.452.000 đồng, Nguyễn Thị S nộp lại số tiền 6.129.000 đồng, Đỗ Thị Ch nộp lại số tiền 4.000.000 đồng, Lưu Thị Mỹ D nộp lại số tiền 2.656.000 đồng, Nguyễn Thị Th nộp lại số tiền 4.687.500 đồng, Lê Ngọc D nộp lại số tiền 6.452.000 đồng, Nguyễn Thị Ph nộp lại số tiền 781.000 đồng, Nguyễn Thị Thùy L nộp lại số tiền 1.000.000 đồng, Trần Thị H nộp lại số tiền 1.320.000 đồng, Danh Thị Th nộp lại số tiền 1.875.000 đồng, Nguyễn Thị K nộp lại số tiền 6.250.000 đồng, Nguyễn Thị B nộp lại số tiền 234.000 đồng, Nguyễn Thị Kim H nộp lại số tiền 5.860.000 đồng, Phạm Thị T nộp lại số tiền 37.812.500 đồng, Trương Hoài T nộp lại số tiền 7.097.000 đồng, Phạm Thị Th nộp lại số tiền 1.333.000 đồng, Lê Thị Kim L nộp lại số tiền 2.177.000 đồng, Nguyễn Thị Th nộp lại số tiền 2.742.000 đồng, Nguyễn Thị Ngọc M nộp lại số tiền 1.500.000 đồng, Nguyễn Thị L nộp lại số tiền 5.312.500 đồng, Trương Hoài Y nộp lại số tiền 4.032.000 đồng, Tô Thị Bích Ch nộp lại số tiền 469.000 đồng, Phạm Thị Thúy K nộp lại số tiền 7.500.000 đồng, Phan Thanh G nộp lại số tiền 1.290.000 đồng, Nguyễn Thị H nộp lại số tiền 2.344.000 đồng, Lê Thị Á nộp lại số tiền 2.097.000 đồng, Đặng Thị Cẩm H nộp lại số tiền 806.000 đồng, Trần Thị Cẩm L nộp lại số tiền 1.210.000 đồng, Lê Thị L nộp lại số tiền 1.094.000 đồng, Phạm Thị D nộp lại số tiền 4.375.000 đồng, Nguyễn Thị Ph nộp lại số tiền 938.000 đồng, Lê Kim V nộp lại số tiền 7.333.000 đồng, Châu Thị Kim L nộp lại số tiền 1.250.000 đồng, Trần Thị Ngọc Th nộp lại số tiền 8.750.000 đồng, Phạm Gia H nộp lại số tiền 4.375.000 đồng, Nguyễn Thị H nộp lại số tiền 9.000.000 để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 550 card (tờ rơi) do Triệu Thế Q sử dụng vào việc phạm tội nhưng không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu huỷ.

Bị cáo Triệu Thế Q cho rằng Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo về

tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Trong lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên rất hối hận, ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Từ đầu tháng 4 năm 2018 đến ngày 18/10/2018, Triệu Thế Q cho người dân trên địa bàn huyện Phú Giáo vay số tiền là 1.603.000.00 đồng. Trong đó, Q đã thu được số tiền gốc là 1.431.899.500 đồng, thu lợi bất chính tổng số tiền 363.189.000 đồng là tiền lãi. Còn lại số tiền gốc là 171.100.500 đồng Q chưa thu được. Cách thức cho vay cụ thể như sau: Nếu vay 25 ngày số tiền 10.000.000 đồng, người vay phải trả mỗi ngày 500.000 đồng trong đó gốc 400.000 đồng, lãi 100.000 đồng, Q không thu tiền phí dịch vụ, tổng số tiền phải trả là 12.500.000 đồng, trong đó gốc là 10.000.000 đồng, lãi là 2.500.000 đồng; Nếu vay 30 ngày số tiền 10.000.000 đồng, người vay phải trả mỗi ngày 400.000 trong đó gốc 334.000 đồng, lãi 66.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng, trong đó gốc 10.000.000 đồng, lãi 2.000.000 đồng; Nếu vay 31 ngày số tiền 10.000.000 đồng, người vay phải trả mỗi ngày 400.000 trong đó gốc 323.000 đồng, lãi 77.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 12.400.000 đồng, trong đó tiền gốc là 10.000.000 đồng, lãi 2.400.000 đồng; Nếu vay 32 ngày số tiền 10.000.000 đồng, người vay phải trả mỗi ngày 400.000 đồng trong đó gốc 312.500 đồng, lãi 87.500 đồng, tổng số tiền phải trả là 12.800.000 đồng, trong đó tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi 2.800.000 đồng. Như vậy, Triệu Thế Q cho người dân vay tiền theo các gói vay 25 ngày thành 30%/tháng tương đương 360%/năm cao gấp 18 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự; 26 ngày thành 84,6%/tháng tương đương 1.015%/năm cao gấp 50,76 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự; 30 ngày tương đương 20%/tháng tương đương 240%/năm cao gấp 12 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự; 31 ngày tương đương 23%/tháng tương đương 276%/năm cao gấp 13,8 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự; 32 ngày tương đương 26%/tháng tương đương 312%/năm cao gấp 15,6 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa, bị cáo Triệu Thế Q khai nhận: Nội dung

Cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo công bố tại phiên tòa giống với Cáo trạng mà bị cáo đã nhận và phù hợp với diễn biến sự việc, hành vi của bị cáo. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Về nhận thức, bị cáo biết được hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng cố ý thực hiện. Bị cáo đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Hành vi của bị cáo đã lợi dụng hoàn cảnh kinh tế khó khăn của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để cho vay với lãi suất cao hơn 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế mà còn làm ảnh hưởng tới an ninh trật tự tại địa phương.

Bị cáo cho vay đối với nhiều người, thu lợi bất chính số tiền 335.784.000 đồng, đây là tình tiết định khung của tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Với các tình tiết của vụ án được chứng minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ chứng cứ kết luận bị cáo Triệu Thế Q đã phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Xét động cơ, mục đích phạm tội vì tham lam, tư lợi, muốn có tiền tiêu xài để thỏa mãn nhu cầu cá nhân nhưng lười lao động bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời nêu gương phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, điểm s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo sớm trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Xét mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp với hành vi, tính chất, tình tiết của vụ án và có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền gốc Triệu Thế Q cho vay đã thu được là 1.431.899.500 đồng và số tiền lãi đã thu được là 335.784.000 đồng. Xét thấy đây là tiền Triệu Thế Q sử dụng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có nên cần buộc Triệu Thế Q giao nộp để sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 10.204.000 đồng thu giữ của bị cáo sẽ được khấu trừ vào số tiền lãi bị cáo đã thu lợi; 01 điện thoại di động Samsung bể màn hình imei: 353123070113892, 01 điện thoại di động Iphone 5 màu trắng đã qua sử dụng, imei: 013625000883107, 01 điện thoại di động Nokia màu trắng đã qua sử dụng, imei: 358573082549811 là phương tiện và tiền Triệu Thế Q sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 11 giấy chứng minh nhân dân mang tên Thượng Minh T, Phạm Quang S, Danh Thị Th, Nguyễn Thị Thùy V, Lê Thị L, Lê Huy H, Nguyễn Thị Bạch H, Bùi Kim T, Nguyễn Thị Thùy D, Lê Thị Á, Nguyễn Văn S là giấy tờ cá nhân không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho chủ sở hữu.

- Đối với 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Ngọc H là giấy tờ cá nhân của Trần Ngọc Hiếu không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho H.

- Đối với 02 sổ hộ khẩu thường trú mang tên chủ hộ Lê Ngọc D, Lê Anh T không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bà D, ông T.

Đối với số tiền 171.100.500 đồng là tiền gốc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả cho Q nhưng là tiền Q dùng vào việc phạm tội nên cần buộc Quách Thị Mai A nộp lại số tiền 1.775.000 đồng, Nguyễn Thị Minh H nộp lại số tiền 7.580.000 đồng, Thạch Thị Ng nộp lại số tiền 4.212.000 đồng, Lê Thị B nộp lại số tiền 1.452.000 đồng, Nguyễn Thị S nộp lại số tiền 6.129.000 đồng, Đỗ Thị Ch nộp lại số tiền 4.000.000 đồng, Lưu Thị Mỹ D nộp lại số tiền 2.656.000 đồng, Nguyễn Thị Th nộp lại số tiền 4.687.500 đồng, Lê Ngọc D nộp lại số tiền 6.452.000 đồng, Nguyễn Thị Ph nộp lại số tiền 781.000 đồng, Nguyễn Thị Thùy L nộp lại số tiền 1.000.000 đồng, Trần Thị H nộp lại số tiền 1.320.000 đồng, Danh Thị Th nộp lại số tiền 1.875.000 đồng, Nguyễn Thị K nộp lại số tiền 6.250.000 đồng, Nguyễn Thị B nộp lại số tiền 234.000 đồng, Nguyễn Thị Kim H nộp lại số tiền 5.860.000 đồng, Phạm Thị T nộp lại số tiền 37.812.500 đồng, Trương Hoài T nộp lại số tiền 7.097.000 đồng, Phạm Thị Th nộp lại số tiền 1.333.000 đồng, Lê Thị Kim L nộp lại số tiền 2.177.000 đồng, Nguyễn Thị Th nộp lại số tiền 2.742.000 đồng, Nguyễn Thị Ngọc M nộp lại số tiền 1.500.000 đồng, Nguyễn Thị L nộp lại số tiền 5.312.500 đồng, Trương Hoài Y nộp lại số tiền 4.032.000 đồng, Tô Thị Bích Ch nộp lại số tiền 469.000 đồng, Phạm Thị Thúy K nộp lại số tiền 7.500.000 đồng, Phan Thanh G nộp lại số tiền 1.290.000 đồng, Nguyễn Thị H nộp lại số tiền 2.344.000 đồng, Lê Thị Á nộp lại số tiền 2.097.000 đồng, Đặng Thị Cẩm H nộp lại số tiền 806.000 đồng, Trần Thị Cẩm L nộp lại số tiền 1.210.000 đồng, Lê Thị L nộp lại số tiền 1.094.000 đồng, Phạm Thị D nộp lại số tiền 4.375.000 đồng, Nguyễn Thị Ph nộp lại số tiền 938.000 đồng, Lê Kim V nộp lại số tiền 7.333.000 đồng, Châu Thị Kim L nộp lại số tiền 1.250.000 đồng, Trần Thị Ngọc Th nộp lại số tiền 8.750.000 đồng, Phạm Gia H nộp lại số tiền 4.375.000 đồng, Nguyễn Thị H nộp lại số tiền 9.000.000 để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 550 card (tờ rơi) do Triệu Thế Q sử dụng vào việc phạm tội nhưng không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu huỷ.

[6] Về án phí Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Triệu Thế Q phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt: Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Triệu Thế Q 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/10/2018.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền Triệu Thế Q dùng vào việc phạm tội là 1.431.899.500 đồng (một tỷ bốn trăm ba mươi mốt triệu tám trăm chín mươi chín ngàn năm trăm đồng) tiền gốc cho vay và số tiền lãi đã thu được là 335.784.000 đồng (ba trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi bốn ngàn đồng) khấu trừ số tiền 10.204.000 đồng (mười triệu hai trăm lẻ bốn ngàn đồng). Bị cáo còn phải nộp 325.580.000 đồng (Ba trăm hai mươi lăm triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng).

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền nợ gốc của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn nợ của bị cáo Triệu Thế Q là 171.100.500 đồng, cụ thể như sau: Quách Thị Mai A nộp lại số tiền 1.775.000 đồng (một triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), Nguyễn Thị Minh H nộp lại số tiền 7.580.000 đồng (bảy triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng), Thạch Thị Ng nộp lại số tiền 4.212.000 đồng (bốn triệu hai trăm mười hai ngàn đồng), Lê Thị B nộp lại số tiền 1.452.000 đồng (một triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn đồng), Nguyễn Thị S nộp lại số tiền 6.129.000 đồng (sáu triệu một trăm hai mươi chín ngàn đồng), Đỗ Thị Ch nộp lại số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), Lưu Thị Mỹ D nộp lại số tiền 2.656.000 đồng (hai triệu sáu trăm năm mươi sáu ngàn đồng), Nguyễn Thị Th nộp lại số tiền 4.687.500 đồng (bốn triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng), Lê Ngọc D nộp lại số tiền 6.452.000 đồng (sáu triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn đồng), Nguyễn Thị Ph nộp lại số tiền 781.000 đồng (bảy trăm tám mươi mốt ngàn đồng), Nguyễn Thị Thùy L nộp lại số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng), Trần Thị H nộp lại số tiền 1.320.000 đồng (một triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng), Danh Thị Th nộp lại số tiền 1.875.000 đồng (một triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), Nguyễn Thị K nộp lại số tiền 6.250.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng), Nguyễn Thị B nộp lại số tiền 234.000 đồng (hai trăm ba mươi bốn ngàn đồng), Nguyễn Thị Kim H nộp lại số tiền 5.860.000 đồng (Năm triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng), Nguyễn Thị T nộp lại số tiền 37.812.500 đồng (ba mươi bảy triệu tám trăm mười hai ngàn năm trăm đồng), Trương Hoài T nộp lại số tiền 7.097.000 đồng (bảy triệu không trăm chín mươi bảy ngàn đồng), Phạm Thị Th nộp lại số tiền

1.333.000 đồng (một triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng), L ê Thị Kim L nộp lại số tiền 2.177.000 đồng (hai triệu một trăm bảy mươi bảy ngàn đồng), Nguyễn Thị Th nộp lại số tiền 2.742.000 đồng (hai triệu bảy trăm bốn mươi hai ngàn đồng), Nguyễn Thị Ngọc M nộp lại số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng), Nguyễn Thị L nộp lại số tiền 5.312.500 đồng (năm triệu ba trăm mười hai ngàn năm trăm đồng), Trương Hoài Y nộp lại số tiền 4.032.000 đồng (bốn triệu không trăm ba mươi hai ngàn đồng), T ô Thị B ích Ch nộp lại số tiền 469.000 đồng (bốn trăm s áu mươi ch ín ngàn đồng), Phạm Thị Th úy K nộp lại số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng), Phan Thanh G nộp lại số tiền 1.290.000 đồng (một triệu hai trăm ch ín mươi ngàn đồng), Nguyễn Thị H nộp lại số tiền 2.344.000 đồng (Hai triệu ba trăm bốn mươi bốn ngàn đồng), L ê Thị Á nộp lại số tiền 2.097.000 đồng (hai triệu không trăm ch ín mươi bảy ngàn đồng), Đặng Thị Cẩm H nộp lại số tiền 806.000 đồng (t ám trăm lẻ s áu ngàn đồng), Trần Thị Cẩm L nộp lại số tiền 1.210.000 đồng (một triệu hai trăm mười ngàn đồng), L ê Thị L nộp lại số tiền 1.094.000 đồng (một triệu không trăm ch ín mươi bốn ngàn đồng), Phạm Thị D nộp lại số tiền 4.375.000 đồng (bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), Nguyễn Thị Ph nộp lại số tiền 938.000 đồng (ch ín trăm ba mươi t ám ngàn đồng), L ê Kim V nộp lại số tiền 7.333.000 đồng (bảy triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng, Ch âu Thị Kim L nộp lại số tiền 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng), Trần Thị Ngọc Th nộp lại số tiền 8.750.000 đồng (t ám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng), Phạm Gia H nộp lại số tiền 4.375.000 đồng (bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), Nguyễn Thị H nộp lại số tiền 9.000.000 đồng (ch ín triệu đồng).

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Samsung bể m àn h ình imei: 353123070113892; 01 điện thoại di động Iphone 5 m àu trắng đã qua sử dụng, imei: 013625000883107, 01 điện thoại di động Nokia m àu trắng đã qua sử dụng, imei: 358573082549811 là phương tiện v à tiền Triệu Thế Q sử dụng v ào việc phạm tội.

- Trả lại cho: Thượng Minh Tr 01 giấy chứng minh nh ân d ân mang t ên Thượng Minh Tr; Phạm Quang S 01 giấy chứng minh nh ân d ân mang t ên Phạm Quang S; Danh Thị Th 01 giấy chứng minh nh ân d ân mang t ên Danh Thị Th; Nguyễn Thị Th ùy V 01 giấy chứng minh nh ân d ân mang t ên Nguyễn Thị Th ùy V; L ê Thị L 01 giấy chứng minh nh ân d ân mang t ên L ê Thị L; L ê Huy H 01 giấy chứng minh nh ân d ân mang t ên L ê Huy H; Nguyễn Thị Bạch H 01 giấy chứng minh nh ân d ân mang t ên Nguyễn Thị Bạch H; B ùi Kim T 01 giấy chứng minh nh ân d ân mang t ên B ùi Kim T; Nguyễn Thị Th ùy D 01 giấy chứng minh nh ân d ân mang t ên Nguyễn Thị Th ùy D; L ê Thị Á 01 giấy chứng minh nh ân d ân mang t ên L ê Thị Á; Nguyễn Văn S 01 giấy chứng minh nh ân d ân mang t ên Nguyễn Văn S.

- Trả lại 01 giấy ph ép l ái xe mang t ên Trần Ngọc H.

- Trả lại cho: L ê Ngọc D 01 sổ hộ khẩu thường tr ú mang t ên chủ hộ L ê Ngọc D; L ê Anh T 01 sổ hộ khẩu thường tr ú mang t ên chủ hộ L ê Anh T.

(Thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo và Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 14/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo).

4. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Triệu Thế Q phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương; (1)
- VKSND tỉnh Bình Dương; (1)
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương; (1)
- PV06 Công an tỉnh Bình Dương; (1)
- VKSND huyện Phú Giáo; (1)
- Công an huyện Phú Giáo; (2)
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo; (1)
- Những người tham gia tố tụng; (61)
- Lưu hồ sơ, văn phòng. (2)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Quế